

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/DSST
Ngày 13-11-2018
Vv: “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Trò

2. Ông Vũ Mạnh Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2018/TLST-DS, ngày 16/7/2018 về việc: “Tranh chấp kiện đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-DS ngày 11/10/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H- sinh năm: 1983

Địa chỉ: Khu 8, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Hoàng Đình C- sinh năm 1940 và bà Hoàng Thị C- sinh năm 1940.

Địa chỉ: Đều trú tại khu 4, thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai tại tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Chị là con gái của ông Hoàng Đình C và bà Hoàng Thị C. Năm 1993 theo tiêu chuẩn chia đất nông nghiệp chị được chia diện tích đất là 1 sào (360 m²) đất ruộng,

năm 2009 chị lấy chồng, thì diện tích đất đó do bố mẹ chị canh tác, đến đầu năm 2018 thực hiện chủ trương xây dựng cụm công nghiệp Thị trấn S đã vào phần đất ruộng chị được chia, bố mẹ đẻ chị là ông C bà C đã được nhận tiền bồi thường do nhà nước thu hồi đất ruộng tổng số tiền là 202.940.000đồng, trong đó có phần diện tích đất ruộng chị được chia theo tiêu chuẩn tương đương với số tiền khoảng 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng). Sau khi biết thông tin về việc ông C bà C đã nhận tiền bồi thường đất ruộng trong đó có phần của chị được chia, chị yêu cầu ông bà trả số tiền tương đương với diện tích đất ruộng chị được chia là 40.000.000đồng, nhưng ông bà trả nợ hộ cho chị số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền chị vay nợ, số tiền còn lại chị đòi nhiều lần nhưng ông bà không trả mà còn đánh, chửi chị. Chị đã yêu cầu UBND Thị trấn S giải quyết nhưng bà C chỉ chấp nhận trả thêm cho chị số tiền 2.000.000đồng, nhưng chị không đồng ý. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông C, bà C phải trả cho chị số tiền là 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) chị không yêu cầu lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2018 bị đơn ông Hoàng Đình C và bà Hoàng Thị C trình bày: Ông bà xác nhận lời trình bày của chị H là đúng về việc ông bà được nhận số tiền 202.940.000đ tiền bồi thường cho 1552,5m² đất ruộng, trong đó có 360m² đất ruộng của chị H (theo tiêu chuẩn chia đất ruộng năm 1993). Theo ông bà, phần diện tích 360m² đất ruộng của chị H sẽ được bồi thường khoảng 30.000.000đ. Sau khi nhận tiền đền bù, ông bà đã trả nợ hộ cho chị H 15.000.000đ, mua cho chị H 70kg gạo, 5kg thịt lợn và một số đồ để ăn tết, tổng là 30.000.000đ. Nay chị H yêu cầu ông bà phải trả cho chị 35.000.000đ, thì ông, bà không đồng ý.

Quá trình giải quyết Tòa án đã báo gọi ông C, bà C nhiều lần nhưng ông, bà đều vắng mặt, do đó tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, chưa chấp hành pháp luật, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án và đề nghị: Căn cứ vào khoản 1 điều 166; Khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự, xử: Buộc ông Hoàng Đình C và Hoàng Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Hoàng Thị H số tiền 35.000.000đ.

Về án phí: Ông C, bà C là người cao tuổi, nên được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: “Tranh chấp kiện đòi tài sản”

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của chị H về việc đòi số tiền bồi thường đất ruộng (theo tiêu chuẩn chia đất ruộng năm 1993) đối với ông C và bà C thì thấy: Chị H, ông C và bà C đều xác định trong lần đền bù đất ruộng lần này, có 360m² đất ruộng của chị H được chia theo tiêu chuẩn chia đất nông nghiệp năm 1993. Qua xác minh tại UBND thị trấn S cho thấy: Theo sổ định suất ăn chia năm 1993 còn lưu giữ tại thị trấn S, hộ ông C và bà C năm 1993 được chia đất ruộng cho 06 khẩu, với tổng diện tích đất ruộng được chia là 2200,1m², định suất mỗi khẩu được hưởng là 366m². Những đối tượng được chia đất ruộng tại thời điểm năm 1993, căn cứ theo ND64/1993 của chính phủ, là những người có hộ khẩu tại địa phương, trực tiếp sản xuất nông nghiệp (không hưởng lương từ ngân sách nhà nước). Chị H sinh năm 1983, đến năm 1993, chị H được 10 tuổi, còn nhỏ, đang sống cùng ông C bà C. Nên chị H thuộc đối tượng được chia đất nông nghiệp theo quy định. Như vậy cần xác định chị H có tiêu chuẩn 366m² đất ruộng trong tổng số 1552,5m² đất ruộng mà hộ ông C bà C được đền bù.

- Theo dự toán bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng dự án đầu tư và kinh doanh một phần hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp thị trấn S, huyện C thì 1m² đất nông nghiệp hộ ông C bà C được đền bù tương đương với số tiền 130.718đ/ 1 m². Chị H có tiêu chuẩn 366m² đất nông nghiệp thì số tiền chị H được hưởng là 366 x 130.718 = 47.842.788đ (Bao gồm tiền bồi thường về đất ruộng, tiền hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp, tiền hỗ trợ khẩu, sản lượng một vụ lúa). Như vậy số tiền trên hiện nay ông C, bà C đang quản lý nên cần buộc ông C, bà C phải có nghĩa vụ trả cho chị H, nhưng trừ đi số tiền 5.000.000đ ông C, bà C đã trả nợ hộ cho chị H, số tiền còn lại là 42.842.788đ. Tại phiên tòa chị H chỉ yêu cầu ông C, bà C phải trả cho chị số tiền 35.000.000đ ngoài ra chị không yêu cầu khoản tiền gì khác, việc yêu cầu trên của chị H là tự nguyện đúng pháp luật cần chấp nhận.

Về phía ông C, bà C trình bày số tiền được đền bù theo tiêu chuẩn đất ruộng của chị H là 30.000.000đ, ông, bà đã trả nợ hộ cho chị H 15.000.000đ, mua cho chị H 70kg gạo, 5kg thịt lợn và một số đồ để ăn tết, tổng là 30.000.000đ ông bà đã chi hết cho chị H, nay chị H yêu cầu ông bà phải trả số tiền 35.000.000đ thì ông bà

không đồng ý. Xét thấy lời trình bày của ông C, bà C là không có căn chấp nhận, vì chị H chỉ thừa nhận ông bà trả nợ hộ 5.000.000đ ngoài ra chị H không thừa nhận ông, bà đã chi trả cho chị khoản tiền nào khác, nên cần buộc ông C, bà C phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 35.000.000đ.

[3]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị H được chấp nhận, nên chị H không phải chịu án phí. Bị đơn ông Hoàng Đình C và bà Hoàng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng do ông, bà là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 166; Khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự; Điểm d khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự

1. Xử: Buộc Ông Hoàng Đình C và bà Hoàng Thị C phải có nghĩa vụ trả cho chị Hoàng Thị H số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) không lãi suất.

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn yêu cầu, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: - Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Hoàng Đình C và bà Hoàng Thị C.

- Hoàn lại cho chị Hoàng Thị H số tiền 875.000đ (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền ngày 16/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án chị H có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Ông C, bà C vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Dân